



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN HÓA LỚP 9 - TUẦN 7

Câu 1: Dãy chất nào sau đây gồm toàn oxit axit?

- A. H_2O , CaO , FeO , CuO B. CO_2 , SO_3 , Na_2O , NO_2
C. CO_2 , SO_2 , CuO , P_2O_5 D. SO_2 , P_2O_5 , CO_2 , N_2O_5

Câu 2: Trong các dãy chất sau, dãy nào thỏa mãn điều kiện tất cả các chất đều phản ứng với dung dịch HCl ?

- A. Cu , BaO , $Ca(OH)_2$, $NaNO_3$ B. Quỳ tím, CuO , $Ba(OH)_2$, $AgNO_3$, Zn
C. Quỳ tím, CuO , $AgNO_3$, Cu D. Quỳ tím, $AgNO_3$, Zn , NO , CaO

Câu 3: Phản ứng giữa cặp chất nào sau đây **không** xảy ra?

- A. Đồng và dung dịch axit clohidric B. Đồng(II) oxit và dung dịch axit clohidric
C. Đồng(II) hiđroxit và dung dịch axit clohidric D. Đồng(II) nitrat và natri hiđroxit

Câu 4: Thuốc thử dùng phân biệt hai dung dịch natri hiđroxit và canxi hiđroxit là

- A. dung dịch axit clohidric. B. dung dịch bari clorua. C. dung dịch natri clorua. D. dung dịch natri cacbonat.

Câu 5: Oxit nào sau đây tác dụng với nước tạo dung dịch axit?

- A. K_2O B. CO C. CaO D. P_2O_5

Câu 6: Dãy các chất nào sau đây tác dụng với dung dịch axit sunfuric loãng?

- A. Fe_2O_3 , CuO , Al_2O_3 , MgO B. Fe_2O_3 , CuO , Al_2O_3 , CO
C. P_2O_5 , CuO , Al_2O_3 , MgO D. P_2O_5 , CuO , SO_3 , MgO

Câu 7: Cho các chất: Mg , MgO , $MgCO_3$, $MgCl_2$. Chất tác dụng với dung dịch axit clohidric tạo chất khí có thể làm vẩn đục dung dịch nước vôi trong là

- A. $MgCO_3$. B. MgO . C. $MgCl_2$. D. Mg .

Câu 8: Thể tích H_2 (đktc) thu được khi hoà tan hoàn toàn 8,1 gam bột Al trong dung dịch HCl dư là:

- A. 10,08 lít B. 6,72 lít C. 5,04 lít D. 4,48 lít

Câu 9: Dẫn 8,96 lít khí CO_2 (đktc) vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư. Sau phản ứng thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là:

- A. 30,0g B. 40,0g C. 20,0g D. 15,0 g

Câu 10: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

- A. CO_2 , B. Na_2O . C. SO_2 , D. P_2O_5

Chú ý: HS hoàn thành gửi bài về GVBM trước ngày 24/10/2021

TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN SINH LỚP 9 - TUẦN 7

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Bản chất của thụ tinh là gì?

- A. Sự kết hợp của 2 bộ phận nhân lưỡng bội tạo ra bộ nhân đơn bội
- B. Sự kết hợp của 2 bộ nhân đơn bội tạo ra bộ nhân lưỡng bội
- C. Sự kết hợp của bộ nhân đơn bội với bộ nhân lưỡng bội tạo ra bộ nhân đơn bội
- D. Sự kết hợp của bộ nhân đơn bội với bộ nhân lưỡng bội tạo ra bộ nhân lưỡng bội

Câu 2: Ở người sự thụ tinh giữa tinh trùng mang NST giới tính nào với trứng để tạo hợp tử phát triển thành con trai?

- A. Sự thụ tinh giữa tinh trùng $22A + Y$ với trứng $22A + X$ để tạo hợp tử $44A + XY$
- B. Sự thụ tinh giữa tinh trùng $22A + X$ với trứng $22A + X$ để tạo hợp tử $44A + XX$
- C. Sự thụ tinh giữa tinh trùng $22A + Y$ với trứng $22A + Y$ để tạo hợp tử $44A + YY$
- D. Sự thụ tinh giữa tinh trùng $22A + X$ với trứng $22A + Y$ để tạo hợp tử $44A + XY$

Câu 3: Số tinh trùng được tạo ra nếu so với số tế bào sinh tinh thì :

- A. Bằng nhau
- B. Bằng 2 lần
- C. Bằng 4 lần
- D. Giảm một nửa

Câu 4: Có một tế bào sinh dục sơ khai cái nguyên phân 6 lần. Tất cả tế bào con đều trở thành tế bào sinh trứng. Các trứng tạo ra đều tham gia thụ tinh. Biết hiệu suất thụ tinh của trứng bằng 18,75% và của tinh trùng là 6,25%. Số hợp tử được tạo thành và số tế bào giao tử đực tham gia thụ tinh là:

- A. 10 và 192.
- B. 8 và 128.
- C. 4 và 64.
- D. 12 và 192.

Câu 5: Bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính được duy trì ổn định qua các thế hệ nhờ sự kết hợp giữa

- A. Nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.
- B. Nguyên phân và giảm phân.
- C. Giảm phân và thụ tinh.



D. Nguyên phân và thụ tinh.

Câu 6: Từ một noãn bào bậc I trải qua quá trình giảm phân sẽ tạo ra được:

A. 1 trứng và 3 thể cực

B. 4 trứng

C. 3 trứng và 1 thể cực

D. 4 thể cực

Câu 7: Hợp tử được tạo nên từ:

A. 1 trứng và 1 tinh trùng

B. 1 trứng và 2 tinh trùng

C. 2 trứng và 1 tinh trùng

D. 1 trứng và 3 tinh trùng

Câu 8: Điểm giống nhau về NST giới tính ở tất cả các loài sinh vật phân tính là:

A. Luôn giống nhau giữa cá thể đực và cá thể cái.

B. Luôn chỉ có một cặp trong tế bào $2n$.

C. Luôn là cặp XX ở giới cái.

D. Luôn là cặp XY ở giới đực.

Câu 9: Chức năng của NST giới tính là:

A. Điều khiển tổng hợp Prôtêin cho tế bào

B. Nuôi dưỡng cơ thể

C. Xác định giới tính

D. Tất cả các chức năng nêu trên

Câu 10: Điểm giống nhau giữa NST thường và NST giới tính là:

1. Luôn mang gen quy định tính trạng thường.

2. Luôn có thành phần hoá học chủ yếu là prôtêin và axit nuclêic.

3. Luôn ảnh hưởng đến sự xác định giới tính.

4. Luôn có khả năng nhân đôi, phân li và tổ hợp cũng như biến đổi hình thái trong chu kỳ phân bào.

5. Luôn có thể bị biến đổi cấu trúc và số lượng.

Số phương án đúng là:

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 11: Câu có nội dung đúng dưới đây khi nói về người là:

A. Người nữ tạo ra 2 loại trứng là X và Y.

B. Người nam chỉ tạo ra 1 loại tinh trùng X.

C. Người nữ chỉ tạo ra 1 loại trứng Y.

D. Người nam tạo 2 loại tinh trùng là X và Y.

Câu 12: Hiện tượng cân bằng giới tính là

- A. tỉ lệ đực : cái xấp xỉ 1 : 1 tính trên số lượng cá thể lớn của một loài động vật phân tính.
- B. Tỉ lệ cá thể đực và cái ngang nhau trong một quần thể giao phối.
- C. Tỉ lệ cá thể đực cái ngang nhau trong một lần sinh sản.
- D. Cơ hội trứng thụ tinh với tinh trùng X và tinh trùng Y ngang nhau.

Chú ý: HS hoàn thành gửi bài về GVBM trước ngày 24/10/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐÔNG

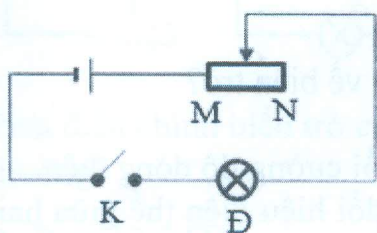
PHIẾU BÀI TẬP MÔN VẬT LÝ 9 – TUẦN 7

Đọc kĩ câu hỏi và lựa chọn đáp án đúng nhất trong 4 đáp án A, B, C, D

Câu 1: Biến trở là:

- A. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh chiều dòng điện trong mạch.
- B. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ và chiều dòng điện trong mạch.
- C. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.
- D. điện trở không thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.

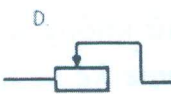
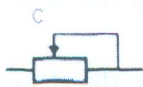
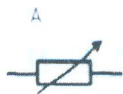
Câu 2: Hiệu điện thế trong mạch điện có sơ đồ dưới được giữ không đổi. Khi dịch chuyển con chạy của biến trở dần về đầu N thì số chỉ của **ampe kế** sẽ thay đổi như thế nào?



- A. Giảm dần đi
- B. Tăng dần lên
- C. Không thay đổi
- D. Lúc đầu giảm dần, sau đó tăng dần lên

Câu 3: Biến trở không có kí hiệu trong hình vẽ nào dưới đây?





- A. Đáp án A B. Đáp án B
C. Đáp án A D. Đáp án A

Câu 4: Câu phát biểu nào dưới đây là **không đúng** về biến trở?

- A. Biến trở là điện trở có thể thay đổi trị số.
B. Biến trở là dụng cụ có thể được dùng để thay đổi cường độ dòng điện.
C. Biến trở là dụng cụ có thể được dùng để thay đổi hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ điện.
D. Biến trở là dụng cụ có thể được dùng để thay đổi chiều dòng điện trong mạch

Câu 5: Trước khi mắc biến trở vào mạch để điều chỉnh cường độ dòng điện thì cần điều chỉnh biến trở có giá trị nào dưới đây?

- A. Có giá trị 0
B. Có giá trị nhỏ
C. Có giá trị lớn
D. Có giá trị lớn nhất

Câu 6: Trên một biến trở có ghi $30\Omega - 2,5A$. Các số ghi này có ý nghĩa nào dưới đây?

- A. Biến trở có điện trở nhỏ nhất là 30Ω và chịu được dòng điện có cường độ nhỏ nhất là $2,5A$.
B. Biến trở có điện trở nhỏ nhất là 30Ω và chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất là $2,5A$.
C. Biến trở có điện trở lớn nhất là 30Ω và chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất là $2,5A$.
D. Biến trở có điện trở lớn nhất là 30Ω và chịu được dòng điện có cường độ nhỏ nhất là $2,5A$.

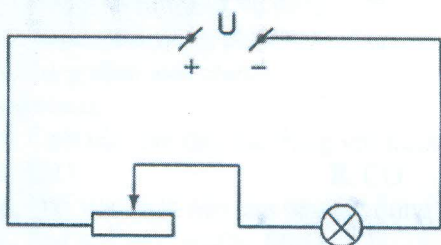
Câu 7: Một bóng đèn có hiệu điện thế định mức $2,5V$ và cường độ dòng điện định mức $0,4A$ được mắc với một biến trở con chạy để sử dụng với nguồn điện có hiệu điện thế không đổi $12V$. Để đèn sáng bình thường thì phải điều chỉnh biến trở có điện trở là bao nhiêu?

- A. $33,7 \Omega$
- B. $23,6 \Omega$
- C. $23,75 \Omega$
- D. $22,5 \Omega$

Câu 8: Người ta dùng dây nicrom có điện trở suất là $1,1 \cdot 10^{-6} \Omega \cdot m$ và có đường kính tiết diện là $d_1 = 0,8 mm$ để quấn một biến trở có chiều dài $l = 913 cm$. Tính độ điện trở của dây dẫn trên?

- A. $R_b = 19 \Omega$
- B. $R_b = 20 \Omega$
- C. $R_b = 20,5 \Omega$
- D. $R_b = 21,5 \Omega$

Câu 9: Một bóng đèn khi sáng hơn bình thường có điện trở $R_l = 7,5 \Omega$ và cường độ dòng điện chạy qua đèn khi đó là $I = 0,6 A$. Bóng đèn này được mắc nối tiếp với một biến trở và chúng được mắc vào hiệu điện thế $U = 12V$ như sơ đồ:



Phải điều chỉnh biến trở có trị số điện trở R_b là bao nhiêu để bóng đèn sáng bình thường?

- A. $R_b = 12,5 \Omega$
- B. $R_b = 13,5 \Omega$
- C. $R_b = 12 \Omega$
- D. $R_b = 13 \Omega$

Câu 10: Biến trở này có điện trở lớn nhất là $R_b = 30 \Omega$ với cuộn dây dẫn được làm bằng hợp kim Nikêlin có tiết diện $S = 1 mm^2$. Tính chiều dài l của dây dẫn dùng làm biến trở này? Biết điện trở suất $\rho = 0,4 \cdot 10^{-6} \Omega \cdot m$

- A. $l = 76 m$
- B. $l = 75,6 m$
- C. $l = 75 m$
- D. $l = 76,6 m$

-----HẾT-----

Chú ý: Học sinh làm bài trên link Azota GVBM gửi chậm nhất ngày 23/10/2021

